

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 231/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24 – 12 – 2020

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Liêm ;

Bà Trần Kim Nguyễn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nhiêu – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 24 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 495/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 865/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh Châu Ngọc Đ, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Trần Tiến D, là luật sư của Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau. (có mặt)

* **Bị đơn:** Chị Lâm Thị Thùy T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp H, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Đinh Thanh T, là luật sư của Văn phòng luật sư TQ chi nhánh Cà Mau thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/9/2020, biên bản hòa giải, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Châu Ngọc Đ trình bày: Anh và chị Lâm Thị Thùy T kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C tỉnh Cà Mau vào ngày 24/5/2016. Hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống anh và chị T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T thường xuyên về bên nhà mẹ ruột ở xã H, thành phố C để đi làm, anh có yêu cầu chị T chuyển chỗ làm cho phù hợp về lo cho gia đình nhưng chị T không đồng ý. Ngoài ra, chị T có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, anh phát hiện thông qua những tin nhắn của chị T với người khác. Nay anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc

sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị Lâm Thị Thùy T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Châu Bảo N, ngày 25/12/2016. Khi ly hôn anh Đ yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án đặt ra để giải quyết.

* Tại biên bản hòa giải, bản tự khai và tại phiên tòa chị Lâm Thị Thùy T trình bày: Về thời gian và có đăng ký kết hôn đúng như anh Đ trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, anh Đ ghen tuông vô cớ nên không hạnh phúc. Chị có về bên mẹ chị sống là có sự đồng ý của anh Đ, những tin nhắn mà anh Đ nói chỉ là nhắn tin chơi đùa, không phải nhắn tin có nội dung “sex” như anh Đ trình bày, chị không có mối quan hệ tình cảm với người khác. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Đ nên đồng ý ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Châu Bảo N, ngày 25/12/2016, sống cùng anh Đ và chị đến tháng 9/2020, sau đó cháu N sống cùng anh Đ cho đến nay. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

* Anh Đ vẫn kiên quyết yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh Đ cho rằng chị Trang đi làm có ca từ 04 giờ sáng đến chiều, trong khi anh làm thợ hớt tóc, bắt đầu khoảng từ 08 giờ đến 10 giờ sáng và đến 05-06 giờ chiều là có mặt ở nhà để chăm con, anh Đ thoải mái về thời gian chị T. Chị T có những tin nhắn không đúng đắn với người đàn ông khác nên không đủ tư cách phẩm chất để nuôi, dạy con.

* Chị Trang cho rằng con mến chị vì từ nhỏ đến khi xảy ra sự việc cháu N đều ngủ chung với chị T, mến chị và chị thương con nên rất muốn nuôi con.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Những tin nhắn của chị T làm mất thuần phong mỹ tục của người phụ nữ Việt Nam. Đề nghị giao con cho anh Đ nuôi.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Anh Đ xâm phạm đến quyền riêng tư, bí mật thư tín điện tín của vợ, tuy nhiên chị T không yêu cầu xử lý hành vi này vì tình nghĩa. Vì mẹ là thiên chức và tình cảm của mẹ đối với con không ai thay thế được nên đề nghị giao con cho chị T nuôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Anh Châu Ngọc Đ và chị Lâm Thị Thùy T kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau vào ngày 24/5/2016, đúng quy định của pháp luật. Nay anh Đ yêu cầu ly hôn với chị T. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Anh Đ yêu cầu ly hôn với chị T. Chị T thống nhất ly hôn. Cả hai cùng xác định anh chị đã có nhiều mâu thuẫn và không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân được nữa và thống nhất ly hôn. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của anh, chị nên Hội đồng xét xử thống nhất công nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị.

[3] Về con chung: Anh Đ và chị T thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Châu Bảo N, ngày 25/12/2016, hiện đang sống cùng anh Đ. Cả hai anh chị đều yêu cầu được nuôi con không yêu cầu người còn lại cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cả hai anh chị đều có khả năng kinh tế để đảm bảo nuôi con. Từ khi con chung ở với anh Đ tháng 9/2020 đến nay, chị T xác định con chung phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, sau khi xảy ra sự việc ngày 03/9/2020 anh Đ không cho chị T vào nhà, 06 ngày sau anh Đ không ngăn cản việc thăm nom con chung nên anh Đ không vi phạm nghĩa vụ khi nuôi con và tôn trọng quyền thăm nom con của chị T. Đối với công việc của anh Đ làm thợ cắt tóc, có cửa tiệm riêng, có nhà riêng, không bị ràng buộc thời gian, trong khi chị T làm nhân viên công nhật của doanh nghiệp thủy sản, làm việc theo ca nên khó khăn về mặt thời gian hơn so với anh Đ trong việc chăm sóc cho con, chị T chưa có nhà riêng, sống chung với nhà mẹ ruột, cuộc sống chưa ổn định. Đối với việc anh Đ cho rằng chị T có những tin nhắn với người đàn ông khác để nói về chủ đề tình dục với lời lẽ thô tục thiếu đứng đắn ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con gái, chị T không phản đối việc này nhưng cho rằng chỉ là chơi đùa chứ không có mối quan hệ tình cảm với người khác và chị từ chối việc trả lời hội đồng xét xử để xác định độ chính xác của nội dung tin nhắn và hình ảnh mà anh Đ cung cấp. Hơn nữa, chị T yêu cầu nuôi con chỉ vì chị muốn nuôi con, chị không chỉ ra được những vấn đề không tốt cho con chung hoặc những vi phạm của anh Đ trong việc chăm sóc con làm ảnh hưởng xấu đến tâm lý, sức khỏe của con chung. Để đảm bảo ổn định cuộc sống của con chung nên cần tiếp tục giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng chăm sóc. Anh Đ không yêu cầu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh Đ và chị T thống nhất tự thỏa thuận với nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh Đ và chị T thống nhất xác định không có nợ ai và không ai nợ lại anh chị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí dân sự về hôn nhân gia đình 300.000đ anh Đ phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Châu Ngọc Đ và chị Lâm Thị Thùy T.

Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Châu Bảo Ngọc, ngày 25/12/2016 cho Châu Ngọc Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lâm Thị Thùy T không cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh Châu Ngọc Đ và chị Lâm Thị Thùy T tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Anh Châu Ngọc Đ và chị Lâm Thị Thùy T thống nhất xác định không có nợ ai và không ai nợ lại anh chị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh Châu Ngọc Đ phải nộp án phí dân sự về hôn nhân và gia đình 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*), ngày 24/9/2020 anh Châu Ngọc Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0002405 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.Cà Mau;
- UBND xã Hòa Thành
TP.Cà Mau, T.Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phan Thị Thu